TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 14 – ĐỒNG NAIĐộc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 4 – 2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Bích Lệ

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thiên Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2026/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/4/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Y, Sinh năm: 1996

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2026, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà Y và ông H trước khi đăng ký kết hôn có tìm hiểu nhau và đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 26/5/2015, sau khi đăng ký kết hôn sống tự lập.

Trong thời gian sống chung có nhiều bất đồng ý kiến, thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà Y xin được ly hôn với ông H

Về con chung: Có một người con chung họ và tên: Nguyễn Lê Quỳnh A sinh ngày 08/01/2012, khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.
Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hoàng H trình bày:

Ông và bà Y có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2015, trong thời gian sống chung có bất đồng quan điểm, nay bà Y ly hôn, ông đồng ý.

Vợ chồng có một người con chung họ và tên Nguyễn Lê Quỳnh A sinh ngày 08/01/2012, khi ly hôn bà Y nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra

Tài sản chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Ngọc Y yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H, bị đơn có nơi cư trú tại xã L nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Y và ông H đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 26/5/2015, Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Bà Y xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân đã không đạt được. Ông H xác định vợ chồng có bất đồng quan điểm và đồng ý ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc ly hôn, bà Y được ly hôn với ông H.

[3] Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung họ và tên: Nguyễn Lê Quỳnh A sinh ngày 08/01/2012, xét thấy hiện người con đang còn nhỏ và ở với bà Y, ông H đồng ý để bà Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Tài sản chung: Các đương không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Án phí: Căn cứ Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy ñònh veà mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa áùn

thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Nguyên đơn chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Y.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng H.

2. Con chung: Giao người con chung họ và tên Nguyễn Lê Quỳnh A sinh ngày 08/01/2012 cho bà Lê Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không đặt ra.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Y chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007294 ngày 01/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định./

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *THADS tỉnh Đồng Nai;*
- *Phòng THADS KV 14, tỉnh Đồng Nai;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Lộc Tân Hòa;*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Nam